

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 24-11-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU,
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Châu;
2. Bà Đào Thị Lan.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXX ngày 04 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn KT**, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố LC, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; có mặt

Bị đơn: Anh **Trần Quý T**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 16 ấp NH, xã BN, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị KT trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 11-2020 hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, dẫn đến hết tình cảm. Từ đó hai bên đã ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên không thể giải quyết được, hai bên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, do đó tôi xin ly hôn.

Về con chung: Có bốn con chung:

Trần AT, sinh năm 2013;

Trần Thị KN, sinh năm 2014;

Trần TK, sinh năm 2016;

Trần B, sinh năm 2020;

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu anh T nuôi cháu Trần AT, Trần Thị KN; còn chị nuôi Trần TK, Trần B. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh T trình bày:

Anh thống nhất lời khai của chị KT về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung là đúng. Anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Nay anh không đồng ý ly hôn, nếu chị KT không muốn đoàn tụ thì cứ sống ly thân như hiện nay mỗi người nuôi hai đứa con, chị KT nuôi Trần TK, Trần B; còn anh nuôi Trần AT, Trần Thị KN.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, tôi đồng ý nuôi cháu Trần AT, Trần Thị KN; còn chị KT nuôi Trần TK, Trần B. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T trình bày: Nay chị KT giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với điều kiện chị KT nuôi bốn con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Chị KT trình bày: Chị đồng ý trực tiếp nuôi bốn con chung, việc cấp dưỡng nuôi con tùy Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị KT đối với chị anh T, thuận tình ly hôn. Về con chung: Ghi nhận chị KT, anh T thống nhất giao chị KT trực tiếp nuôi bốn con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh T, chị KT phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị KT, anh T tự nguyện chung sống vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, anh T có uống rượu và đánh chị KT nên hai bên đã không còn chung sống từ tháng 11-2020 cho đến nay. Trong quá trình hai bên không còn chung sống, không ai có thiện chí, cũng như biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đồng ý ly hôn với điều kiện chị KT nuôi bốn con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con. Chị KT đồng ý nuôi bốn con chung, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị KT, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị KT.

[3] Về con chung: Có bốn con chung:

Trần AT, sinh năm 2013;
Trần Thị KN, sinh năm 2014;
Trần TK, sinh năm 2016;
Trần B, sinh năm 2020;

Chị KT, anh T tự nguyện thống nhất: Chị KT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần AT, Trần Thị KN, Trần TK, Trần B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 750.000 đồng/01 con chung, bắt đầu từ tháng 12-2021 cho đến khi con trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết
Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị KT; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị KT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn KT đối với anh Trần Quý T.

1.1. Chị Nguyễn KT và anh Trần Quý T chấm dứt quan hệ vợ chồng.

1.2. Về con chung: Có bốn con chung:

Trần AT, sinh năm 2013;

Trần Thị KN, sinh năm 2014;

Trần TK, sinh năm 2016;

Trần B, sinh năm 2020;

Chị Nguyễn KT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần AT, Trần Thị KN, Trần TK, Trần B.

Anh Trần Quý T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 750.000 đồng/01 con chung, bắt đầu từ tháng 12-2021 cho đến khi con trưởng thành, tự lao động sinh sống được.

Anh Trần Quý T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí DSST:

2.1. Chị Nguyễn KT phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001436 ngày 22-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (đã nộp đủ).

2.2. Anh Trần Quý T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện DMC,
- Chi cục THA H.DMC,
- Các đương sự.
- Lưu tập án, lưu hồ sơ,

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

TẠ THỊ HẠ